

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 09-4-2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần K, sinh năm

- Bị đơn: Chị Nguyễn T, sinh năm

Cùng địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22-4-2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22-4-2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần K và chị Nguyễn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần K và chị Nguyễn T thoả thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Trần K và chị Nguyễn T có 03 con chung, tên: Trần K1, sinh ngày, Trần K3, sinh ngày và Trần K2, sinh ngày

Khi ly hôn, các đương sự thoả thuận:

+ Giao cháu Trần K2 cho anh Trần K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đủ đủ 18 tuổi và tự lập được;

+ Chị Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều: 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Đối với các cháu: Trần K1 và Trần K3 đã trưởng thành, tự lập được, nên các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.3. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Anh Trần K và chị Nguyễn T, mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần K tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí cho chị Nguyễn T. Như vậy, tổng số tiền án phí anh Trần K phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh Trần K đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số: 0001198, ngày 09-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Hoàn trả cho Anh Trần K số tiền đã nộp tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND x. Ya Xiêr, h. Sa Thầy;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Trường Thọ

